

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HSST
Ngày: 23-02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Kim Thành
2. Ông Lê Quang Bảo

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Trịnh Vũ N, sinh năm 1999; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh: Tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 12/68 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 07/12; con ông: Trịnh Vũ S, sinh năm 1965 và bà: Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1968; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29-11-2021 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố N; (Có mặt).

- Bị hại: chị Bùi Thị A, sinh năm 1993, nơi cư trú: Mỹ Tiến 1, thôn P, xã N thành phố N, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Chung Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số 44 B, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03-01-2017, chị Bùi Thị A, sinh năm 1993, trú tại Mỹ Tiến 1, thôn P, xã N thành phố N, tỉnh Nam Định điều khiển chiếc xe máy

Honda Lead, biển kiểm soát 18B1-093.08 đến cửa hiệu cắt tóc “Công Nam” địa chỉ 109 C, phường H, thành phố N gặp bạn trai là anh Trần Công N, sinh năm 1992, trú tại 24/36/153 V, phường C, thành phố N. Đến khoảng 14 giờ 00 cùng ngày, anh Nam đưa cho Trịnh Vũ N 50.000 đồng bảo Thảo đi chơi game để anh Nam nói chuyện riêng với chị A. Thảo đồng ý và mượn chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1-093.08 của chị A để đi chơi game sau đó đến nhà nghỉ “86”, địa chỉ 86 V, phường L, thành phố N gặp bạn là anh Q, sinh năm 1992, trú tại 09/802 Điện Biên, phường L, thành phố N. Khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, anh Nam gọi điện thoại yêu cầu Thảo mang xe về trả cho chị A, Thảo nói bị mất chìa khóa nên không về được. Anh Nam và chị A đến nhà nghỉ 86 để tìm chìa khóa cùng Thảo nhưng không thấy nên anh Nam bảo Thảo dắt xe ra chợ Ròng, thành phố N đánh chìa khóa xe rồi trả xe lại cho chị A, sau đó anh Nam cùng chị A ra về trước. Lúc này do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên Thảo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy trên mang đi cầm cố. Thảo gọi điện thoại nói dối anh Q chiếc xe máy này là xe của chị gái cho và nhờ anh Q tìm nơi cầm cố xe. Anh Q gọi điện thoại cho bạn là anh Đặng Chung Đ, sinh năm 1993, trú tại 44 Bắc Ninh, phường N, thành phố N nhờ cầm cố xe hộ Thảo, anh Đ đồng ý nên anh Q đã gửi số điện thoại của anh Đ cho Thảo để liên lạc trực tiếp. Thảo gọi điện cho anh Đ và hẹn gặp nhau ở nhà anh Q để xem xe. Khi Thảo dắt xe máy đến nhà anh Q thì anh Nam gọi điện thoại yêu cầu Thảo mang xe về trả chị A, Thảo đã nói dối: “Em đang đẩy xe đến Cầu Đá rồi, anh đến Cầu Đá đẩy xe về với em”, sau đó Thảo tắt điện thoại để anh Nam và mọi người không liên lạc được với Thảo. Thảo nói dối anh Đ chiếc xe máy này là của chị gái Thảo cho, giấy tờ xe để ở nhà và muốn cầm cố xe “hết giá”, anh Đ đồng ý cầm cố chiếc xe máy với giá 5.000.000 đồng. Sau đó anh Đ điều khiển chiếc xe máy Honda Lead, biển kiểm soát 18B1-093.08 về để ở nhà rồi thuê xe taxi quay lại nhà anh Q đưa cho Thảo 4.500.000 đồng, giữ lại 500.000 đồng để trả tiền sửa ổ khóa xe máy và tiền taxi (cả 2 không viết giấy tờ gì).

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Thảo cùng anh Q, bạn gái của anh Q là chị Đỗ Thị Bích Quyên, sinh năm 1993, trú tại số 15 ngõ An Phong, phường Q, thành phố N và bạn của Q là anh Lã Tiến Phúc, sinh năm: 1995, nhà ở đường Điện Biên, thành phố N (chưa rõ địa chỉ cụ thể) thuê xe taxi đến ăn uống và nghỉ qua đêm tại bãi biển Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Quá trình Thảo và anh Phúc ở chung một phòng nghỉ, Thảo có nói với anh Phúc về việc Thảo vừa cầm cố chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1-093.08 của chị A cho anh Đặng Chung Đ được 5.000.000 đồng, anh Phúc nói với Thảo có quen biết với anh Đặng Chung Đ. Khoảng 8 giờ 00 ngày 04-01-2017, Thảo, anh Q, chị Quyên và anh Phúc thuê xe taxi quay về thành phố N. Trên đường về, thấy Thảo ngủ say, Phúc lấy điện thoại của Thảo nhắn tin cho chị A với nội dung Thảo đã cầm cố chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1-093.08 cho anh Đ với số tiền 7.000.000 đồng, đồng thời gửi số điện thoại của anh Đ để chị A liên lạc chuộc lại xe máy này. Tiếp đó, anh Phúc dùng điện thoại của Thảo gọi cho anh Đ nói: “Người nhà của em sẽ liên hệ chuộc lại chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1-093.08, anh cứ nói giá là 7.000.000đ và cầm hộ em 2.000.000đ tiền thừa, em đến lấy sau”, anh Đ đồng ý. Khi Thảo tỉnh dậy, Phúc nói với Thảo khi nào về thành phố N thì gặp anh Đ lấy thêm 2.000.000đ, chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1-093.08 chị A đã chuộc lại rồi, Thảo đồng ý và không nói gì. Toàn bộ số tiền cầm cố chiếc xe máy của chị A, Thảo đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi nhận được tin nhắn của Thảo, chị A đã đến Công an phường Hạ Long, thành phố N trình báo nội dung vụ việc. Công an phường Hạ Long đã thu giữ của anh Đặng Chung Đ chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1- 093.08 rồi chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N để giải Q theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác minh, ngày 22-11-2021 Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N đã ra Q định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trịnh Vũ N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 24-11-2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N ra Q định truy nã số 28 đối với Trịnh Vũ N. Ngày 29-11-2021 Trịnh Vũ N đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N xác định chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1-093.08 có trị giá 21.500.000 đồng. Sau đó cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc xe trên cho chị Bùi Thị A, chị A nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

Về dân sự: Anh Đặng Chung Đ yêu cầu Trịnh Vũ N phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cầm cố xe cho Thảo, hiện Thảo chưa bồi thường.

Đối với Trần Minh Q, Đặng Chung Đ không biết chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1-093.08 là tài sản do Thảo phạm tội mà có nên không xử lý.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKSTPNĐ ngày 25-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Trịnh Vũ N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Sau đây được viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Vũ N khai nhận toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đánh giá mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo Trịnh Vũ N có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó Kiểm sát viên đã giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Vũ N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Trịnh Vũ N từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đặng Chung Đ số tiền 5.000.000đ.

Bị cáo Trịnh Vũ N nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Vũ N không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Vũ N tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 03-01-2017 Trịnh Vũ N sau khi mượn chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1-093.08 của chị Bùi Thị A do cần tiền tiêu xài cá nhân nên đã dùng thủ đoạn gian dối và bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản trên. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 21.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo Trịnh Vũ N là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mượn tài sản của người khác sau đó dùng thủ đoạn gian dối và bỏ trốn nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản vì mục đích tư lợi là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01-01-2018, tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; tại Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định nhẹ hơn so với quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Q số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội thì hành vi của bị cáo sẽ được áp dụng quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử lý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quan điểm truy tố và áp dụng điều luật của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Trịnh Vũ N đã thành khẩn khai báo đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[3.2] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Vũ N là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố N. Bản thân bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của chị A, vì vậy cần áp dụng hình

phạt tù có thời hạn nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo theo đề xuất của Kiểm sát viên là tương đối phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử sẽ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường dân sự: Do Thảo nói dối là xe của chị gái cho và muốn cầm cố, anh Đ đã đồng ý cầm cố với số tiền 5.000.000 đồng nên anh Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nay anh Đ yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên, bị cáo tuy đã đồng ý nhưng đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường. Vì vậy xét thấy yêu cầu của anh Đ phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đ.

Đối với chị Bùi Thị A đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1-093.08; không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải Q.

[7] Về án phí: Bị cáo Trịnh Vũ N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Vũ N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS;

Xử phạt bị cáo Trịnh Vũ N 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29-11-2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Trịnh Vũ N phải bồi thường cho anh Đặng Chung Đ số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trịnh Vũ N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trịnh Vũ N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Khánh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Khánh